

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2023/QĐST-VDS

Quảng Bình, ngày 06 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hữu Tuyên

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Liên – Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Phương Nhung;

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-VDS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con”; theo Quyết định mở phiên họp số: 2868/2023/QĐ ST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đậu Thị T; sinh ngày: 16/8/1989; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 17, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An; hiện cư trú tại: Số nhà 769 Kralovanad Vahom, huyện Sala, tỉnh Nitra, Slovakia. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Anh Nguyễn Trọng N; sinh ngày: 11/5/1995; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 3 Phúc Đồng, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; hiện cư trú tại: Số nhà 769 Kralovanad Vahom, huyện Sala, tỉnh Nitra, Slovakia. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con” lập ngày 24/11/2022, chị Đậu Thị T và anh Nguyễn Trọng N thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/01/2016. Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng bàn bạc để chị T đi xuất khẩu lao động tại Slovakia (03/2016) và sau đó anh N cũng đi xuất khẩu lao động tại Slovakia (tháng 10/2017) nhằm kiếm thêm thu nhập cho gia đình, kể từ khi hai vợ chồng sinh con thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, đối xử thiếu tôn trọng lẫn nhau. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hoà hợp, vợ chồng thiếu sự thông cảm và tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và kinh tế nên thường xảy ra cãi vã, bất hoà. Tình trạng này diễn ra kéo dài và không khắc phục được. Hiện tại cả chị T và anh N đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn nên quyết định ly hôn để mỗi người có một cuộc sống ổn định.

Về con chung: Vợ chồng anh N và chị T có hai con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 05/12/2016 và Nguyễn An N; sinh ngày 13/5/2019; Vợ chồng thoả thuận sau khi ly hôn để chị Đậu Thị T trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Đề nghị Toà án nhân dân áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T; giao 02 con chung là Nguyễn Nam P; sinh ngày 05/12/2016 và Nguyễn An N; sinh ngày 13/5/2019 cho chị Đậu Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét; các đương sự phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T hiện cư trú tại Slovakia có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết yêu cầu trên là đúng pháp luật.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án đã triệu tập yêu cầu viết bản tự khai đối với anh Nguyễn Trọng N và tiến hành các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Đậu Thị T ở nước ngoài theo quy định tại các Điều 474, 475 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 01/3/2023, anh Nguyễn Trọng N đã tiến hành viết bản tự khai tại Tòa án. Ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhận được Bản tự khai và đơn xin vắng mặt của chị Đậu Thị T có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia. Các bản tự khai của anh N và chị T có nội dung thống nhất như Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con lập ngày 24/11/2023. Vì điều kiện công việc và khoảng cách địa lý nên anh N và chị T không thể có mặt để tham gia phiên họp nên anh N và chị T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

[2]. Về nội dung xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T.

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bô T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/01/2016 theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động tại Slovakia thì phát sinh mâu thuẫn do những bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã có nhiều cố gắng để hàn gắn hạnh phúc gia đình và kéo dài cuộc hôn nhân nhưng không đạt được kết quả. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt, cả hai không còn quan tâm đến việc hàn gắn hôn nhân và cùng tự nguyện thỏa thuận ly hôn.

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T đã thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Nam P; sinh ngày 05/12/2016 và Nguyễn An N; sinh ngày 13/5/2019; Vợ chồng thỏa thuận sau khi ly hôn để chị Đậu Thị T trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T thống nhất trình bày không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 35, 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Trọng N chịu toàn bộ Lệ phí giải quyết việc dân sự;

[2.5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự không có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, 149, 360, 361, 369, 370, 371, 474, 475 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T.

[2]. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T về việc giao con chung là Nguyễn Nam P; sinh ngày 05/12/2016 và Nguyễn An N; sinh ngày 13/5/2019 cho chị Đậu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con;

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[3]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn của anh Nguyễn Trọng N, anh N đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0005234 ngày 01/03/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Nguyễn Trọng N và chị Đậu Thị T không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định (06/9/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyền

